TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GÒ CÔNG TÂY** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 294/2022/DS-ST
Ngày: 22-9-2022
V/v "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DA
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ CÔNG TÂY

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị X.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Trung Tiến.

Bà Nguyễn Thị Cẩm Hồng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Ngọc Ngân, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây.

Trong ngày 22 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 177/2022/TLST-DS ngày 12 tháng 7 năm 2022 về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 164/2022/QĐXX-ST ngày 18 tháng 8 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 81/2022/QĐST-DS ngày 06 tháng 9 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Trần Thị Ngọc X, sinh năm 1977.
Địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

2. Bị đơn: Trương Thị Kim A, sinh năm 1957.
Địa chỉ: Ấp B, xã B, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

(Chị X xin vắng mặt, bà A vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn chị Trần Thị Ngọc X trình bày:

Do có quen biết với bà Kim A nên chị có cho bà Kim A mượn số tiền 65.000.000 đồng, khi mượn tiền bà Kim A có làm biên nhận nợ số tiền 65.000.000 đồng vào ngày 25/11/2020, hẹn ngày 10/12/2020 sẽ trả tiền nhưng đến ngày 10/12/2020 bà Kim A không có tiền trả nên thỏa thuận miệng là mượn thời hạn 01 năm, có thỏa thuận miệng lãi suất 2,5%/tháng, bà Kim A có trả lãi cho chị đến

tháng 6/2021 thì không trả nữa do dịch covid-19. Đến tháng 12/2021 chị có yêu cầu bà Kim A trả tiền nhiều lần nhưng bà A cố tình né tránh không trả. Hiện tại bà Kim A vẫn còn nợ chị số tiền 65.000.000 đồng.

Nay chị yêu cầu bà Trương Thị Kim A trả cho chị số tiền 65.000.000 đồng, chị không yêu cầu tính lãi, yêu cầu trả tiền khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn bà Trương Thị Kim A mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng bà A vẫn vắng mặt và cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn chị Trần Thị Ngọc X khởi kiện yêu cầu bà Trương Thị Kim A trả số tiền vay là 65.000.000 đồng nên Hội đồng xét xử xác định đây là "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo quy định tại Điều 463 của Bộ luật dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn có nơi cư trú tại địa phương nên thuộc thẩm quyền xét xử của Tòa án nhân dân huyện G theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét nguyên đơn chị Trần Thị Ngọc X có đơn xin vắng mặt; bị đơn bà Trương Thị Kim A đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự quyết định xét xử vắng mặt chị X và bà A.

[3] Đối với yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Ngọc X, Hội đồng xét xử xét thấy:

[3.1] Chị X có cho bà A vay số tiền 65.000.000 đồng vào ngày 25/11/2020, hẹn ngày 10/12/2020 sẽ trả tiền nhưng đến hẹn trả tiền bà A không có tiền trả nên thỏa thuận miệng là vay thời hạn 01 năm, thỏa thuận lãi suất 2,5%/tháng, bà A có trả lãi cho chị X đến tháng 6/2021 thì ngưng không trả nữa do dịch Covid-19. Đến tháng 12/2021 chị X có yêu cầu bà Kim A trả tiền nhiều lần nhưng bà A cố tình né tránh không trả nên chị X khởi kiện. Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình chị X đã cung cấp cho Tòa án giấy cam kết mượn nợ ngày 25/11/2020 do bà A ký tên. Phía bà A đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng bà A vẫn vắng mặt và không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cho thấy bà A đã từ bỏ quyền chứng minh của mình. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định bà A còn nợ chị X số tiền 65.000.000 đồng và

chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị X, buộc bà A có nghĩa vụ trả cho chị X số tiền 65.000.000 đồng.

[3.2] Về yêu cầu tính lãi: Ghi nhận sự tự nguyện của chị X không yêu cầu bà A trả tiền lãi

[3.3] Về thời gian trả tiền: Chị X yêu cầu bà A trả cho chị X số tiền 65.000.000 đồng khi án có hiệu lực pháp luật có cơ sở vì bà A đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ và nợ tiền của chị X làm ảnh hưởng đến quyền lợi của chị X. Do đó, Hội đồng xét xử buộc bà A trả cho chị X số tiền 65.000.000 đồng khi bản án có hiệu lực pháp luật.

[4] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của chị X được Tòa án chấp nhận nên bà A phải chịu án phí theo quy định nhưng bà A là người cao tuổi nên được miễn nộp án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Ngọc X.

Buộc bà Trương Thị Kim A có nghĩa vụ trả cho chị Trần Thị Ngọc X số tiền 65.000.000 đồng (Sáu mươi lăm triệu đồng). Thực hiện khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày chị Trần Thị Ngọc X có đơn yêu cầu thi hành án nếu bà Trương Thị Kim A không trả số tiền trên thì hàng tháng bà A phải trả lãi tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Về án phí: Bà Trương Thị Kim A không phải chịu án phí do là người cao tuổi theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Hoàn lại cho chị Trần Thị Ngọc X 1.625.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0006309 ngày 11/7/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện G.

Báo nguyên đơn và bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành theo qui định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh TG;
- VKSND huyện G;
- CC THADS huyện G;
- Các đương sự;
- Lưu án văn, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Võ Thị X